

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6 /2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lục Thị Xinh.

2. Ông Nông Văn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị P, sinh năm 1983.(Có mặt)

Nơi cư trú: ĐKHKT: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1982. (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

Nơi cư trú: ĐKHKT: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Vũ Thị P trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị P và anh Phạm Văn D được tìm hiểu tình cảm với nhau rồi tự nguyện đi đến hôn nhân. Năm 2003 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa P. Ngày 10/9/2003 chị P và anh D đến Ủy ban nhân dân

thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng cư trú tại tổ A thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019. Sau đó do nghi ngờ lẫn nhau nên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể hòa hợp vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Vì vậy, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù anh D không chịu đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị P vẫn liên lạc qua điện thoại với anh D, anh D biết chị P làm đơn xin ly hôn, anh D nói qua điện thoại với chị là đồng ý Tòa án giải quyết theo đơn ly hôn của chị P. Tết nguyên đán năm Tân Sửu 2021 anh D về qua nhà thăm vợ con tại tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Tại nhà khi anh D đang nói chuyện với con chị P đã chụp ảnh hai bố con, hết kỳ nghỉ tết nguyên đán thì anh D lại đi. Chị P có hỏi anh D đi đâu, đi làm gì, địa chỉ mới ở đâu nhưng không được câu trả lời của anh D. Chị P đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn giải quyết vắng mặt anh D là cho chị được ly hôn anh D theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình cha anh D và chính quyền địa P. Nội dung xác minh về tình trạng hôn nhân của anh D với chị P và xác minh Hộ khẩu thường trú của anh D. Kết quả xác minh thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh D có mâu thuẫn chính quyền địa P đã đến nhà khuyên giải nhưng không thành. Xác định Hộ khẩu thường trú của anh D là ở tại tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Về con chung: Chị P và anh D có 02 con chung. Họ và tên là Phạm Trần Mây A, sinh ngày 19/8/2005 và Phạm Vũ Tuấn H, sinh ngày 13/11/2011. Hiện nay hai con đang ở với chị P tại tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Phạm Trần Mây A đang học Trường trung học phổ thông chuyên B và Phạm Vũ Tuấn H đang học Trường tiểu học thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, hai con khỏe mạnh học tập và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung. Chị P yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 1.500.000đ một tháng. Cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000đ một tháng. Về chỗ ở hiện nay của chị P và hai con là đang ở căn nhà cấp IV, rộng 5m, sâu 20 m, mái lợp Pro xi măng. Bao gồm 01 phòng khách, 02 phòng ngủ, 01 phòng bếp và vật dụng tiện nghi gia đình đáp ứng mọi sinh hoạt hàng ngày. Hàng ngày chị P bán hàng tạp hóa ở trong chợ thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ một tháng.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Vũ Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn anh Phạm Văn D quá trình tố tụng không hợp tác;* Nhưng qua quá trình tố tụng xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xác định giữa anh D với chị P có thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2019 hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nên vợ chồng chính thức sống ly thân đến nay được hai

năm, anh D có biết chị P làm đơn ly hôn và giải quyết con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, anh D có nói với chị P qua điện thoại là nhất trí giải quyết theo đơn khởi kiện của chị P về việc ly hôn và giải quyết nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung còn về tài sản chung, nợ chung chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh D không có ý kiến đối với tài sản chung và nợ chung.

Về con chung: Xác định anh D và chị P có 02 con chung đúng như chị P đã trình bày. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung do anh D không hợp tác nhưng khi nói qua điện thoại với chị P là nhất trí như trong đơn của chị P. Ngày 26/4/2021 anh D gửi 3.000.000đ, ngày 28/5/2021 gửi 2.000.000đ để cho chị P chi tiêu khoản nuôi hai con.

Về tài sản chung: Anh D không có ý kiến

Về nợ chung: Anh D không có ý kiến.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của hai con chung: Hai con chung là Phạm Trần Mây A và Phạm Vũ Tuấn Anh đều có ý kiến nếu bố mẹ buộc phải ly hôn thì hai con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ và ở nhà của bố, mẹ tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh D và thông báo cho các bên đương sự về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo các Điều 175, 177, 179/BLTTDS. Nhưng không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự là do anh D vắng mặt. Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung. Còn tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán - Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, trong quá trình tố tụng và thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự tham gia tố tụng trong vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi tiến hành xét xử và đến trước khi nghị án đối với chị P nguyên đơn chấp hành pháp luật đầy đủ. Tuy nhiên, đối với anh D bị đơn không chấp hành pháp luật đầy đủ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227/ Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Cho chị Vũ Thị P được ly hôn anh Phạm Văn D.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao hai con chung là Phạm Trần Mây A, sinh ngày 19/8/2005 và Phạm Vũ Tuấn H sinh ngày 13/11/2011 cho chị Vũ Thị P được trực tiếp trông nom,

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi hai con chung đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của hai con chung).

Về cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Văn D có nghĩa vụ cấp tiền nuôi hai con chung, mỗi con chung là 1.500.000,đ một tháng. Hai con là 3.000.000đ, một tháng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung; nợ chung: Chị P không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Phạm Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Thấy nguyên đơn khởi kiện bị đơn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, thấy anh Phạm Văn D có hộ khẩu thường trú tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, nhưng anh D hay vắng mặt tại địa P. Tuy nhiên, anh D thỉnh thoảng có mặt tại địa P và gia đình, anh D không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Mặc dù Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập, giao thông báo hợp lệ cho anh D theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh D không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai, nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh D theo quy định. Trong thời gian dịp tết nguyên đán Tân Sửu anh D có về qua nhà thăm con, sau đó đến ở nhà bố đẻ thuộc tổ K, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Hết nghỉ tết nguyên đán anh D đi không nói cho ai biết là đi đâu, làm việc gì và địa chỉ ở đâu. Do anh D không hợp tác nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải vụ án được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự .

Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình cha anh D và chính quyền địa P. Nội dung xác minh về tình trạng hôn nhân của anh D với chị P và xác minh Hộ khẩu thường trú của anh D. Kết quả xác minh thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh D có mâu thuẫn nên chính quyền địa P đã đến nhà khuyên giải nhưng không thành. Về Hộ khẩu địa P xác định Hộ khẩu thường trú của anh D ở tại tổ A thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, nên anh D được lập danh sách cử tri tại nơi có Hộ khẩu thường trú theo

quy định. Tòa án xét thấy cần thiết phải niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự). Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D là bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định chị Vũ Thị P và anh Phạm Văn D được tìm hiểu tình cảm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Nên về quan hệ hôn nhân giữa anh D với chị P là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ A thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nghi ngờ lẫn nhau, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung đời sống chung không thể hòa hợp, vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2019 đến nay được hơn hai năm. Vì vậy, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù anh D không chịu đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, nhưng có liên lạc qua điện thoại và nói với chị P là đồng ý ly hôn chị P. Xét thấy chị P đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh D, chị P nhất quyết được ly hôn anh D theo quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nội dung của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị P xin được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nêu trên.

Về con chung: Xác định Chị P và anh D có 02 con chung là Phạm Trần Mây A, sinh ngày 19/8/2005 và Phạm Vũ Tuấn H, sinh ngày 13/11/2011. Hiện nay hai con đang ở với chị P tại tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn) hiện nay hai con khỏe mạnh ăn, ở, học tập và phát triển bình thường.

Xét về điều kiện nuôi con chung: Đối với anh Phạm Văn D, hiện nay anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tổ A thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian gần đây anh D hay vắng mặt tại địa P thỉnh thoảng anh D có về qua lại tại địa P và gia đình nhưng anh D đi không nói cho gia đình và báo chính quyền địa P biết đi đâu, đi làm gì, làm ở đâu, nhưng anh D có nói qua điện thoại với chị P về nuôi con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của chị P, nên việc giao hai con chung là Phạm Trần Mây A sinh ngày 19/8/2005 và Phạm Vũ Tuấn H sinh ngày 13/11/2011 cho anh Phạm Văn D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là không đảm bảo.

Đối với chị Vũ Thị P hiện nay chị P và hai con đang ở căn nhà cấp IV, rộng 5m, sâu 20 m, mái lợp Prô xi măng. Bao gồm 01 phòng khách, 02 phòng ngủ, 01 phòng bếp và vật dụng tiện nghi gia đình đáp ứng sinh hoạt hàng ngày, nên nguyện vọng của chị P đề nghị được Tòa án giao hai con chung là Phạm Trần Mây A sinh ngày 19/8/2005 và Phạm Vũ Tuấn H sinh ngày 13/11/2011 cho chị Vũ Thị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đảm bảo về mọi mặt của con và phù hợp với nguyện vọng của hai con muốn được ở cùng với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khi ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 1.500.000đ, một tháng. Cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000đ, một tháng. Hiện nay chị P hàng ngày bán hàng tạp hóa ở trong chợ thu nhập bình quân mỗi tháng là khoảng 10.000.000đ, ngoài ra chị P không có khoản thu nhập nào khác. Xét thấy cần chấp nhận yêu cầu mức tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung của chị P đối với anh D là phù hợp. Đối với anh D trong quá trình giải quyết vụ án và trong thời gian gần đây anh D hay vắng mặt tại địa P thỉnh thoảng anh D có về qua lại tại địa P và gia đình nhưng anh D đi không nói cho gia đình và báo chính quyền địa P biết đi đâu, đi làm gì, làm ở đâu, mức thu nhập hàng tháng được bao nhiêu không ai biết, nhưng anh D có nói qua điện thoại với chị P về mức cấp dưỡng nuôi con chung nhất trí theo đơn khởi kiện của chị P và ngày 26/4/2021 anh D gửi 3.000.000đ, ngày 28/5/2021 gửi 2.000.000đ, để chị P chi tiêu nuôi dưỡng hai con chung. Nên xét thấy cần thiết buộc anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo định kỳ hàng tháng theo yêu cầu của chị P là phù hợp.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị P là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh Phạm Văn D bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227/ BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị P xin được ly hôn anh Phạm Văn D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị P được ly hôn anh Phạm Văn D.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao con chung Phạm Trần Mây A, sinh ngày 19/8/2005 và Phạm Vũ Tuấn H sinh ngày 13/11/2011 cho chị Vũ Thị P được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi hai con chung đủ 18 tuổi (hiện nay hai con chung đang ở với chị Vũ Thị P tại tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn).

Anh Phạm Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung. Mỗi con chung là 1.500.000,đ một tháng (Tổng số tiền của hai con là 3.000.000đ, một tháng) cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực. Việc thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2] Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu. Nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nợ chung: Chị P không yêu cầu. Nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Vũ Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai số 0000526 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Anh Phạm Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000,đ để sung quỹ nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND TT B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Cạn